TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 -CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST
Ngày 25-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Hiệp.

Bà Quách Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N1.

Địa chỉ trụ sở: Số B, L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh H.

Địa chỉ: Số B, đường T, ấp A, xã P, thành phố Cần Thơ, là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 129/GUQ-NHNo ngày 26/6/2025 (có mặt).

- *Bị đơn*:

1/ Bà Lâm Thị N, sinh năm 2002 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2025 và tại phiên tòa, ông Trần Thanh H là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N2 (gọi tắt Ngân hàng) trình bày cho rằng: Ngày 30/11/2020, bà Lâm Thị N và Ngân hàng N1 – chi nhánh huyện T, tỉnh Sóc Trăng thống nhất ký hợp đồng tín dụng số 7607LAV202002067 với hạn mức cho vay là 100.000.000 đồng, hình thức cho vay theo hạn mức, thời hạn duy trì hạn mức 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này, mục đích mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Ngân hàng đã giải ngân cho bà N nhận tiền tại các giấy nhận nợ:

Lần 1: Giải ngân 20.000.000 đồng, ngày nhận nợ 13/11/2023, hạn trả 13/11/2024, lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lần 2: Giải ngân 20.000.000 đồng, nhận nợ ngày 15/11/2023, hạn trả 15/11/2024, lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lần 3: Giải ngân 20.000.000 đồng, nhận nợ ngày 17/11/2023, hạn trả 17/11/2024, lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Lần 4: Giải ngân 20.000.000 đồng, nhận nợ ngày 21/11/2023, hạn trả 21/11/2024, lãi suất vay trong hạn 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay, bà Lâm Thị N và bà Trần Thị Hồng L1 có giao cho Ngân hàng N2 – chi nhánh huyện T giữ hộ 01 tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 959726, số vào sổ CS 04704, cấp ngày 31/3/2016 đối với phần đất 7.800m^2, tọa lạc ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ngân hàng N2 yêu cầu buộc bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L trả nợ hợp đồng tín dụng số 7607LAV202002067 ngày 30/11/2020, gồm vốn vay 80.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 26/5/2025 là 18.482.192 đồng. Tại phiên tòa Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng và có điều chỉnh phần lãi suất tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/8/2025 là 17.298.630 đồng.

- Bị đơn bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đối với các bị đơn đã được tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định, vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng đối với bị đơn bà

Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn bà N, bà L hoàn trả cho Ngân hàng N2 số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/8/2025 là 17.298.630 đồng. Đồng thời buộc các bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã L, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Ngân hàng N2 yêu cầu bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L hoàn trả tiền vay và lãi tính theo hợp đồng tín dụng số 7607LAV202002067 ngày 30/11/2020, số tiền tạm tính đến ngày 25/8/2025 là 97.298.630 đồng, gồm vốn 80.000.000 đồng và lãi là 17.298.630 đồng đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp: Bản sao Hợp đồng tín dụng số 7607LAV202002067 ngày 30/11/2020; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 13/11/2023; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 15/11/2023; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 17/11/2023; Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 21/11/2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 959726/CS 04704, cấp ngày 31/3/2016 và hợp đồng ủy quyền chứng thực ngày 19/11/2020. Chứng từ giao dịch ngày 13/11/2023, 15/11/2023, 17/11/2023, 21/11/2023 và sổ phụ của khách hàng Lâm Thị N, số tài khoản 7607205153741 tại các ngày 13/11/2023, 15/11/2023, 17/11/2023, 21/11/2023. Qua kiểm tra chứng cứ nguyên đơn giao nộp, bà Lâm Thị N ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng N2 – chi nhánh huyện T và đã được giải ngân bốn lần với số tiền vay là 80.000.000 đồng.

[2.1] Xét thấy, khi các bên giao kết hợp đồng là trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 7607LAV202002067 ngày 30/11/2020 và các báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 13/11/2023, 15/11/2023, 17/11/2023, 21/11/2023 có giá trị pháp lý và buộc các bên thực hiện đúng giao kết. Ngân hàng khởi kiện, các bị đơn bà N và bà L đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy có căn cứ xác định bà N không trả vốn và lãi đúng thời hạn, đã vi phạm thỏa thuận trả nợ tại

Điều 5 hợp đồng tín dụng số 7607LAV202002067 ngày 30/11/2020. Đối với bà L có văn bản ủy quyền cho bà N đại diện vay tiền nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà N và bà L chịu trách nhiệm trả toàn bộ vốn vay và lãi là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Khi giao kết hợp đồng các bên thỏa thuận lãi suất cho vay 10%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng 2024) và khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N3. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà N và bà L phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 25/8/2025 số tiền 17.298.630 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại thời điểm vay tiền bà N giao cho Ngân hàng giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 959726/CS04704 ngày 31/3/2016, do đó Ngân hàng có trách nhiệm giao trả giấy chứng nhận khi các bị đơn đã thanh toán xong tiền vốn vay và lãi.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lâm Thị N, bà Nguyễn Thị Hồng L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 95, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N2 số tiền 97.298.630 đồng (chín mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng), gồm vốn 80.000.000 đồng và lãi là 17.298.630 đồng.

2. Kể từ ngày 26/8/2025, bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L còn phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7607LAV202002067 ngày 30/11/2020 và các báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 7607-LDS-202304659 ngày 13/11/2023, số 7607-LDS-202304682 ngày 15/11/2023, số 7607-LDS-202304376 ngày 17/11/2023, số 7607-LDS-202304757 ngày 21/11/2023 cho đến

khi thanh toán xong nợ.

3. Sau khi bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, buộc Ngân hàng N2 có trách nhiệm trả lại cho bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 959726/CS04704 ngày 31/3/2016.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị N và bà Nguyễn Thị Hồng L phải liên đới chịu án phí số tiền 4.864.931 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng N2 không chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng 2.462.055 đồng theo biên lai thu số 0001948 ngày 12/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai